

Bản án số: 96/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 30/7/2026

“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn Trung
2. Bà Phan Bích Hoà

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 371/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, về việc “tranh chấp ly hôn,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Đức H**, sinh năm 1971;

Số CCCD: 019071012717

Địa chỉ: **Tổ H, phường L, tỉnh Thái Nguyên.**

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đông H1**, sinh năm 1972

Số CCCD: 019172006693

Địa chỉ: **Tổ H, phường L, tỉnh Thái Nguyên.**

(ông **H** có mặt, bà **H1** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà ông **Phạm Đức H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông **H** đăng ký kết hôn với bà **Nguyễn Thị Đông H1** vào ngày 9/3/2021, tại Ủy ban nhân dân phường **C**, tỉnh Thái Nguyên nay là phường **L**, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn bà **H1**.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Đông H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **H1** khai thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như ông **H** đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không hoà hợp giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Nay ông **H** có đơn xin ly hôn bà **H1** đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà **H1** xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải tuy nhiên bà **H1** không đến tham gia hoà giải. Vì vậy, vụ án phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông **H** và bà **H1** kết hôn với nhau ngày 9/03/2021 tại Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Thái Nguyên nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện đủ điều kiện được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông **H** và bà **H1** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Ông **H** xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên ông có nguyện vọng xin được ly hôn với bà **H1**.

Bà **H1** xác định nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn với anh là do không tìm được tiếng nói chung khiến cho vợ chồng xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng ông **H** có đơn ly hôn bà đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thực tế trong cuộc sống vợ chồng ông H, bà H1 đã xảy ra những mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, cho ông H được ly hôn bà H1 là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà H1 đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của ông Phạm Đức H, cho ông H được ly hôn bà Nguyễn Thị Đông H1.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do ông H và bà H1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002072 ngày 15/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, ông H được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bà H1 được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 1 – Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV1-Thái Nguyên;
- UBND phường Linh Sơn, tỉnh TN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhân